



1129 Series — BÁNH XE Y TẾ

Đường kính bánh xe PPR(Ngọc trai màu xám đậm) cổ điển × chiều rộng bánh xe 100 × 31mm

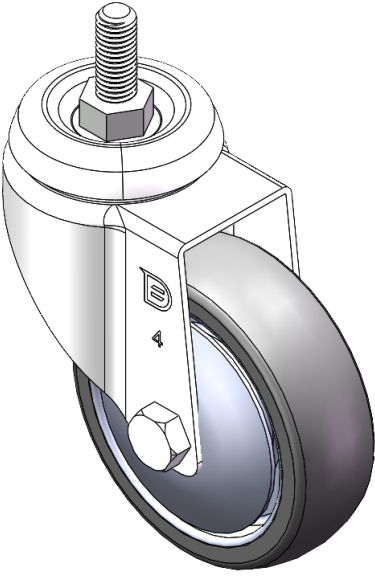
EAN

YJ-11290400265983

Bánh xe xoay có đế định tán—1/2"-12"  
Hoàn thiện mạ kẽm, lắp ren  
Lõi polypropylene chống va đập, mặt bánh xe bằng nhựa nhiệt dẻo đàn hồi (TPR)  
Hoàn thiện màu xám ngọc trai, ổ trục bánh xe—ổ trục bi chính xác.

Bề mặt bánh xe: Cao su nhiệt dẻo đàn hồi (TPR)  
Lõi bánh xe: Được làm bằng polypropylen chống va đập chất lượng cao

Mô tả sản phẩm chỉ mang tính chất tham khảo. Sản phẩm thực tế sẽ được ưu tiên.



Hình ảnh có thể khác với sản phẩm gốc

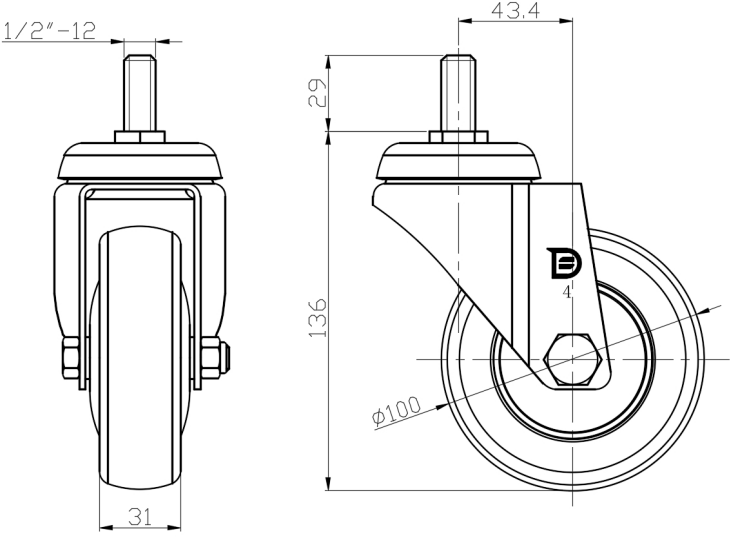
Quy cách chi tiết sản phẩm

|                                                                           |                             |
|---------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|
| <input checked="" type="radio"/> đơn vị mét <input type="radio"/> đế quốc |                             |
| Đường kính bánh xe                                                        | 100mm                       |
| Chiều rộng bánh xe                                                        | 31mm                        |
| vòng bi bánh xe                                                           | Bánh xe trang bị vòng bi bi |
| Thông số kỹ thuật của ren                                                 | 1/2 " -12                   |
| độ dài ren                                                                | 29mm                        |
| Độ lệch tâm                                                               | 43.4mm                      |
| Sự can thiệp quay                                                         | 188mm                       |
| Tổng chiều cao                                                            | 136mm                       |
| Bán kính xoay                                                             | 94mm                        |
| Độ cứng                                                                   | 82±5° Shore A               |
| Tải trọng (động)                                                          | 100kgs                      |
| Tải trọng (tĩnh)                                                          | 150kgs                      |
| Nhiệt độ                                                                  | -20°C to +60°C              |
| Càng bánh xe                                                              | Xoay                        |
| Thép không gỉ                                                             | N/A                         |
| Dẫn điện                                                                  | N/A                         |
| Chống tĩnh điện                                                           | N/A                         |
| Trọng lượng bánh xe đẩy                                                   | 0.71kgs                     |
| Tiêu chuẩn kiểm nghiệm                                                    | ISO22883                    |

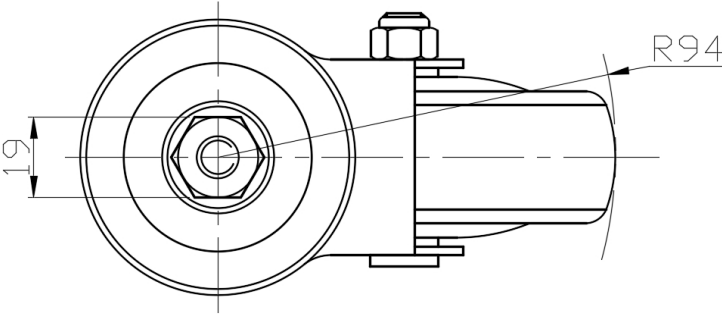
Tổng quan ưu điểm

|                      |           |
|----------------------|-----------|
| Độ di chuyển mượt mà | ● ● ● ● ○ |
| Chế độ im lặng       | ● ● ● ● ○ |
| Bảo vệ mặt sàn       | ● ● ● ● ● |

Bản vẽ 2D kích thước bánh xe đẩy



Bản vẽ 2D kích thước trục ren



\* Nếu có bất kỳ sai lệch nào giữa thông số hệ mét và thông số hệ inch, vui lòng tham khảo thông số hệ mét